

Biểu hiện động cơ nghề nghiệp sư phạm của giảng viên các trường sĩ quan quân đội

Nguyễn Tuấn Vinh*; Nguyễn Văn Kiên**

*Thiếu tá, Học viện hệ 5, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

**TS, CNBM khoa TLH quân sự, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Abstract: Pedagogical career motivation is an important factor that regulates the quality and effectiveness of the teaching process of lecturers, reflects and becomes a driving force, orients teachers to work to satisfy individual needs and According to the requirements of the profession and society, studying and grasping the manifestations of the pedagogical career motivation of the army officers is the basis for determining the psychological - pedagogical measures to develop the motivation. pedagogical profession for this force, the determining factor in the quality of education and training for lecturers of Officer Schools in the army.

Keywords: Military pedagogical career motives; manifestation of the lecturers pedagogical career motivation; lecturers of Officer Schools in the army.

1. Đặt vấn đề

Động cơ là mối gắn kết giữa sự hiểu biết về đối tượng cần chiếm lĩnh với thái độ và các hành động cụ thể mà ở đó có sự nỗ lực ý chí của con người. Về mặt chủ quan, động cơ hoạt động được phản ánh gián tiếp thông qua cảm nhận của chủ thể về các trạng thái xúc cảm có liên quan đến động cơ. Về mặt khách quan, chúng có thể được chủ thể ý thức nhờ việc phân tích hoạt động. Như vậy để phát triển yếu tố tâm lý phức tạp này cần thấy được biểu hiện của nó trên ba mặt là hứng thú, lý tưởng và niềm tin.

2. Biểu hiện động cơ nghề nghiệp sư phạm (ĐCNNSP) quân sự của giảng viên (GV) ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Động cơ là mối gắn kết giữa sự hiểu biết về đối tượng cần chiếm lĩnh với thái độ và các hành động cụ thể mà ở đó có sự nỗ lực ý chí của con người. ĐCNNSP của GV ở các trường sĩ quan quân đội là một dạng của động cơ hoạt động của con người nên biểu hiện của nó cũng bao gồm các thành tố như: Hứng thú, lý tưởng và niềm tin. Sự hòa quyện của các thành tố tâm lý này tạo ra sự tác động qua lại, bổ sung, hỗ trợ cho nhau, chuyển hóa lẫn nhau hình thành ĐCNNSP quân sự cho GV.

Một là, hứng thú của GV đối với NNSP

Hứng thú là một thuộc tính tâm lý, đóng vai trò quan trọng trong tất cả các hoạt động của con người. Hứng thú làm nảy sinh tính tích cực hoạt động, thúc đẩy con người vươn tới, chiếm lĩnh đối tượng hoạt động, giúp con người làm việc say sưa, không biết mệt mỏi. Khi đã có hứng thú với đối tượng nào đó

thì cá nhân sẽ hướng toàn bộ quá trình nhận thức của mình vào đó, tư duy tích cực và hành động một cách hiệu quả hơn.

Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, nó có ý nghĩa đối với cuộc sống và có khả năng mang lại khoái cảm trong quá trình hoạt động. Hứng thú biểu hiện ở sự tập trung cao độ, ở sự say mê, hấp dẫn bởi nội dung hoạt động, ở bề rộng và chiều sâu của hứng thú.

Hứng thú có vai trò quan trọng đối với hoạt động nói chung và đặc biệt hoạt động nghề nghiệp, người GV có hứng thú với NNSP quân sự trên cơ sở có nhận thức đúng những yêu cầu khách quan của xã hội, Quân đội và NNSP GV sẽ dễ dàng chuyển nó thành đòi hỏi bên trong của cá nhân, thành nhu cầu động cơ thúc đẩy bản thân hướng đến đối tượng hoạt động vì mục tiêu yêu cầu đó.

Hứng thú đối với NNSP quân sự của GV không những đảm bảo cho việc lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn, mà còn là cơ sở để định hướng thái độ và hành vi trong công tác, rèn luyện tay nghề sư phạm cũng như hoạt động NNSP trong suốt cuộc đời họ. Sự hứng thú thể hiện trước hết ở sự tập trung chú ý cao độ, sự say mê của chủ thể hoạt động. Khi người GV có hứng thú cao với NNSP quân sự sẽ hình thành ở họ nhu cầu nhận thức khám phá về NNSP, nhu cầu tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nhu cầu rèn luyện để phát triển các phẩm chất nhân cách theo yêu cầu NNSP. Nếu bản thân GV xác định tốt động cơ bộ phận này thì ở họ dễ nảy sinh khát vọng trong tiếp thu kiến thức, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn

nghiệp vụ sư phạm để hoàn thành nhiệm vụ. Còn ngược lại, khi không có hứng thú sẽ làm mất đi động cơ NNSP, kết quả giảng dạy sẽ không cao, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực.

Như vậy, mức độ hứng thú đối với NNSP quân sự của GV với bản thân không những có thể đánh giá được về mặt quan điểm lập trường, sự trưởng thành của nhân cách mà điều quan trọng là nó tạo nên cơ sở đảm bảo cho việc định hướng, điều chỉnh thái độ, hành vi đối với NNSP và phát triển ĐCNNSP cho GV một cách đúng đắn, bền vững., từ đó nảy sinh nhu cầu muốn chiếm lĩnh tri thức và làm chủ NNSP trước đồng nghiệp, đồng thời muốn khẳng định bản thân mình trước cấp trên; nhu cầu xây dựng và phát huy uy tín của người GV Nhà trường quân đội, một biểu hiện quan trọng của ĐCNNSP của GV.

Hai là, lí tưởng của GV đối với NNSP

Lí tưởng là mục tiêu cao đẹp, một hình ảnh mẫu mực tương đối hoàn chỉnh có sức lôi cuốn con người vươn tới nó. Lí tưởng là mặt biểu hiện tập trung nhất của xu hướng nhân cách. Nó có ảnh hưởng quyết định đến việc hình thành và phát triển của nhu cầu, hứng thú, niềm tin... để vươn tới lí tưởng cao đẹp của đời mình. Người ta có thể tự điều chỉnh hoặc hủy bỏ một số nhu cầu và hứng thú, cũng như hình thành ở mình những nhu cầu, hứng thú mới cho phù hợp với lí tưởng ấy. Mặt khác, lí tưởng được hình thành và phát triển trong sự phụ thuộc trực tiếp vào thế giới quan và niềm tin, động cơ của cá nhân. Lí tưởng là sự kết hợp hài hoà, sâu sắc giữa các mặt nhận thức, tình cảm và hành động ý chí.

Lí tưởng của GV đối với NNSP là động lực thúc đẩy, điều khiển toàn bộ hoạt động của GV. Nó xác định mục đích và chiều hướng phát triển của GV đó. Lí tưởng của GV giữ vai trò lớn trong quá trình tự giáo dục – GV có lí tưởng cao đẹp đối với NNSP chứng tỏ nhân cách người đó phát triển cao. Bởi vì, lí tưởng được con người nhận thức và rung cảm. Cá nhân hiểu lí tưởng và kiểu mẫu của mình cần phải xây dựng cuộc sống và hành vi của mình theo kiểu mẫu ấy. Lí tưởng thường kêu gọi sự ngạc nhiên, sự khâm phục, ngưỡng mộ. Ngoài ra, lí tưởng còn tạo nên sự thiết tha mong muốn tu dưỡng để thực hiện lí tưởng.

Lí tưởng của GV đối với NNSP quân sự thể ở:

Hiểu biết chuyên môn: GV sư phạm quân sự cần có kiến thức sâu về các khía cạnh quân sự, bao gồm lịch sử, chiến thuật, quyền lực và an ninh quốc gia.

Điều này giúp họ truyền đạt thông tin chính xác và đáng tin cậy cho học viên.

Kỹ năng giảng dạy: GV cần có kỹ năng giảng dạy tốt để truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả cho học viên. Họ cần biết cách xây dựng bài giảng, sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng và tạo cơ hội cho học viên tham gia tích cực trong quá trình học tập.

Tinh thần dạy và rèn luyện: Lý tưởng của GV sư phạm quân sự là có tinh thần dạy và rèn luyện cao. Họ cần truyền cảm hứng, động viên và hỗ trợ học viên trong việc đạt được mục tiêu học tập và phát triển cá nhân. Hơn nữa, GV cần mạnh dạn thách thức học viên để khám phá sự tiềm năng của bản thân.

Đạo đức và lòng trung thành: Một GV sư phạm quân sự lý tưởng cần có đạo đức cao và lòng trung thành với nghề nghiệp. Họ phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức quân sự, luôn thể hiện tinh thần tôn trọng, trung thực và chính trực trong công việc và giao tiếp với học viên.

Sáng tạo và phát triển chuyên môn: GV không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người dẫn dắt học viên tìm kiếm và nghiên cứu thông tin mới. Để trở thành người thầy tốt, GV cần liên tục cập nhật kiến thức, tham gia các khóa học và nghiên cứu để không ngừng phát triển chuyên môn và sáng tạo trong quá trình giảng dạy.

Ba là, niềm tin của GV đối với NNSP quân sự

Niềm tin là sự hoà quyện giữa nhận thức, tình cảm, ý chí của con người trong quá trình hướng tới một đối tượng, một quá trình hay một vấn đề nào đó. Niềm tin còn là sự biểu lộ khuynh hướng thúc đẩy chủ thể hành động phù hợp với những định hướng, những giá trị đã được xác định. Là một hiện tượng tinh thần, niềm tin được hình thành và là biểu hiện của sự thống nhất giữa 3 yếu tố nhận thức, tình cảm, ý chí.

Niềm tin là cái kết tinh các quan điểm, tri thức, rung cảm, ý chí đã được con người thể nghiệm trong hoạt động sống của mình, trở thành chân lý bền vững trong mỗi cá nhân. Niềm tin tạo cho con người nghị lực, ý chí để hành động phù hợp với quan điểm đã chấp nhận.

Niềm tin có ý nghĩa quan trọng trong điều khiển, điều chỉnh hành vi con người, góp phần phát triển hoàn thiện nhân cách. Muốn nâng cao hiệu quả xây dựng củng cố niềm tin phải tiến hành giáo dục, trang bị kiến thức, trau dồi tình cảm, rèn luyện ý chí sẵn sàng vượt qua khó khăn thử thách, tổ chức hoạt động

thực tiễn phát huy tính tích cực, năng động của mỗi người.

Sự hoà quyện hữu cơ giữa kiến thức, tình cảm, ý chí của GV với NNSP quân sự tạo nên một chất mới, một hiện tượng tâm lý mới đó là niềm tin vào NNSP quân sự. Xét đến cùng, niềm tin vào nghề nghiệp là cái quyết định đến hành động của GV trong thực tiễn hoạt động. Có niềm tin vững chắc vào NNSP quân sự, GV mới huy động được tối đa sức lực và trí tuệ của bản thân để vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của người GV trong các trường sĩ quan quân đội.

Niềm tin vào NNSP quân sự của GV các trường sĩ quan quân đội bao hàm thái độ cảm xúc - tình cảm với NNSP quân sự, tinh thần trách nhiệm đối với NNSP quân sự, không chỉ thể hiện ở việc hoàn thành nhiệm vụ của người GV trên lớp, mà thể hiện thông qua như cầu tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nhu cầu rèn luyện để phát triển các phẩm chất nhân cách theo yêu cầu NNSP. Cũng thông qua đó mà niềm tin của GV vào NNSP quân sự ngày càng được củng cố và phát triển một cách vững chắc.

Như vậy, niềm tin vào NNSP quân sự là phẩm chất nhân cách của GV hình thành bởi sự hoà quyện hữu cơ giữa kiến thức, tình cảm và ý chí của GV đối với hoạt động sư phạm quân sự, mang khuynh hướng thúc đẩy họ sẵn sàng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao. Niềm tin có vai trò rất quan trọng đối với người GV các nhà trường quân đội. Người GV có niềm tin đối với NNSP quân sự đúng đắn sẽ giúp họ tự giác, nỗ lực phấn đấu hết mình cho những giá trị cao đẹp của nghề nghiệp; là động lực thúc đẩy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, sự tâm huyết và trách nhiệm của GV trong hoạt động nghề nghiệp; đồng thời là nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành đạt nghề nghiệp của người GV trong các nhà trường quân đội.

Tóm lại, ĐCNNSP biểu hiện thông qua hứng thú, lí tưởng, niềm tin và tồn tại trong xu hướng NNSP của GV như một thể thống nhất, tạo thành hệ thống động lực thúc đẩy, định hướng tích cực hoạt động NNSP trong suốt quá trình phục vụ Quân đội của họ. Trong đó những động cơ thành phần phản ánh những mặt với ý nghĩa và thứ bậc khác nhau chi phối, ảnh hưởng làm cơ sở, tiền đề cho nhau ở những điều kiện hoàn cảnh hoạt động NNSP của GV. Mặt khác giữa nội dung và hình thức của động cơ cũng quan hệ biện chứng với nhau, một nội dung có thể tìm thấy sự biểu

hiện trong nhiều hình thức của động cơ khác nhau. Ngược lại một hình thức của động cơ có thể phản ánh những nội dung thúc đẩy khác nhau. Sự thống nhất về nội dung và hình thức của các động cơ quyết định sức mạnh thúc đẩy, định hướng hoạt động NNSP của GV ở các trường sĩ quan quân đội.

3. Kết luận

ĐCNNSP do ý thức về nhiệm vụ của tập thể, đơn vị: Đây là những động lực thúc đẩy GV tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của một người GV. ĐCNNSP quân sự của GV biểu hiện ở xu hướng NNSP quân sự là sự thúc đẩy có ý thức, định hướng một cách thường xuyên những cố gắng, nỗ lực của GV vào hoạt động tu dưỡng, rèn luyện nghề nghiệp. Lí tưởng nghề nghiệp là sự phản ánh những mục tiêu cao đẹp, những hình ảnh mẫu mực và hoàn chỉnh trong nghề sư phạm quân sự. Niềm tin đối với nghề nghiệp giúp GV luôn tích cực, chủ động, không ngại khó, ngại khổ, sẵn sàng vượt qua mọi gian nan, thử thách để chiếm lĩnh các giá trị nghề sư phạm quân sự. Xu hướng, lí tưởng và niềm tin đối với nghề sư phạm quân sự vì vậy mà được coi là những động cơ chủ yếu, trực tiếp thúc đẩy và định hướng cho việc hình thành định hướng giá trị nghề sư phạm quân sự đúng đắn ở GV các nhà trường quân đội hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bích (1979), *Động cơ chọn nghề của thanh thiếu niên*, Luận án Phó tiến sĩ TLH, Hà Nội
2. Bộ Quốc phòng (2013). *Quyết định số 2523/QĐBQP ngày 15/07/2013 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quân đội giai đoạn 2011-2020*. Hà Nội
3. Bộ Quốc phòng (2000), *Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
6. Nguyễn Thị Chanh (2003). *Định hướng giá trị nghề dạy học của sinh viên cao đẳng sư phạm Hà Nam*. Luận án tiến sĩ TLH, Trường ĐHDP Hà Nội.
7. Lại Ngọc Hải (2002). *Định hướng giá trị nhân cách đội ngũ sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*. NXB QĐND. Hà Nội